

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN
Bản án số: 02/2018/HC-PT
Ngày 25 - 5 - 2018
V/v: "yêu cầu huỷ QĐHC"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lang Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thi.

Ông Nguyễn Hữu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Võ Duy Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/5/2018 và ngày 25/5/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử công khai phúc thẩm vụ án Hành chính thụ lý số 03/2018/TLPT - HC ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc yêu cầu huỷ quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, do bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện QL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXPT-HC ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phạm Văn Ng, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số nhà 28, ngõ 20, đường Ph, khối 4, phường Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ: Thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An

Đại diện theo pháp luật : Ông Hoàng Danh Lai – Chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc Bình – Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Giấy ủy quyền ngày 06/6/2016). Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông NGuyễn Văn V, sinh năm 1964.

Trú tại: Xóm 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Lộc, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm 13, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An (theo Giấy ủy quyền ngày 20/9/2017). Vắng mặt.

- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1968.

Trú tại: Thôn 13, xã SH, huyện QL, Nghệ An. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc B (Nguyễn Văn B).

Trú tại: Thôn 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị D, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Khối TL, phường HD, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1960.

Trú tại: Xóm Ch, xã HT, huyện ND, Nghệ An. Có mặt.

- Ông Hồ Văn D2, sinh năm 1960

Trú tại: Xóm 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Hồ Sỹ H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Xóm 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. *Người kháng cáo:* Ông NGuyễn Văn V. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ông Phạm Văn Ng khởi kiện yêu cầu Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 700483 do Ủy ban nhân dân huyện QL cấp ngày 20/6/1997 cho NGuyễn Văn V đối với thửa đất số 729, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 430m² tại xóm 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Lý do khởi kiện theo ông Phạm Văn Ng trình bày: Bố mẹ ông là ông Phạm Văn N1 và bà Vương Thị N2 có mảnh đất được Nhà nước cấp từ năm 1970. Ông bà sinh được 06 người con gồm: Phạm Thị C1 chết năm 2013; Phạm Thị N3 chết năm 2013; Phạm Thị D, sinh năm 1949; Phạm Hữu Th, liệt sỹ hy sinh năm 1968; Phạm Văn D3, Liệt sỹ hy sinh năm 1966; Phạm Văn Ng, sinh năm 1954;

Bà Vương Thị N2 chết năm 1990, ông Phạm Văn N1 chết năm 1993 đều không để lại di chúc. Bố mẹ chết để lại di sản là thửa đất và tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp 4 ba gian, 01 nhà bếp, 01 bể cạn, 01 giếng nước. Vì điều kiện ở xa thỉnh thoảng mới về quê nên nhờ các cháu trông coi, thỉnh thoảng ông Ng mới về thăm hương cho ông bà được. Năm 2013 ông về quê thì phát hiện ngôi nhà của bố mẹ ông để lại đã bị phá dỡ xây nhà mới. Qua tìm hiểu thì ông được biết thửa đất của bố mẹ ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cháu D và Vinh. Nay ông cho rằng Ủy ban nhân dân huyện QL đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi chưa được sự đồng ý của các đồng thừa kế là trái với quy định pháp luật về đất đai, vì vậy ông yêu cầu Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 700483 cấp cho NGuyễn Văn V đối với thửa đất số 729, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 430m² tại xóm 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

Tại bản tự khai ngày 29/7/2014, biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2014 ông Nguyễn Văn V và vợ là bà Trần Thị H1 tự khai ngày 07/6/2016 và tại phiên tòa cùng với người được ông V ủy quyền trình bày: Ngôi nhà có nguồn gốc là của ông bà ngoại là ông N1 và bà N2. Ông bà đã bán cho bố mẹ ông V là ông B và bà Nông ngôi nhà trị giá 150.000 đồng. Sau khi mua xong bố mẹ ông ra ở tại ngôi nhà đó. Bố mẹ cho ông ở từ năm 1988 khi đó ông N1 và bà N2 vào Vinh ở với ông Ng. Đến năm 1990 Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu đã thu lại một phần đất để cấp cho ông Nguyễn Văn D4. Từ đó cho đến nay không có ai tranh chấp. Năm 1997 Ủy ban nhân dân xã SH đã làm các thủ tục giấy tờ cho anh ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông V. Còn nguồn gốc thửa đất là của Hợp tác xã giao cho ông N1 và bà N2, ông bà đã bán nhà cho bố mẹ ông, còn đất do Hợp tác xã quản lý chứ không phải của ông bà nên không được bán. Trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu và Ủy ban nhân dân xã SH kê khai làm thủ tục và giao lại cho ông V. Gia đình có làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ở ổn định từ đó đến nay không có ai tranh chấp. Ông V khai nài có giấy mua bán nhà giữa ông N1 và ông B là bố của ông nhưng đã bị mất. Nay ông Ng yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông V và bà H1 không đồng ý.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2016 anh Hoàng Văn Thái nguyên là cán bộ địa chính xã SH từ năm 1987 đến 2007 trình bày: Năm 1987 bố ông V là ông B đã mua của ông N1 và bà N2 ngôi nhà trị giá 150.000 đồng, còn đất do Hợp tác xã quản lý. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 thực hiện theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân xã đã giao cho xóm trưởng các xóm đến từng gia đình làm thủ tục kê khai sau đó chuyển hồ sơ về cho xã. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp gửi hồ sơ lên Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1997 ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở nguồn gốc đất của ông N1 và bà N2, sau đó được Hợp tác xã giao lại cho ông V trên cơ sở ông N1 chuyển cho ông B. Ngoài diện tích đất cấp giấy cho ông V thì thửa đất của ông N1 và bà N2 còn được cấp cho ông Hồ Văn D2 và phần còn lại bà L1 đang ở chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Biên bản xác minh ngày 07/01/2017 và tại phiên tòa ông Hồ Sỹ H, nguyên là phó chủ nhiệm Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu thời kỳ 1984 – 1988; năm 2015 làm xóm trưởng xóm 13 xã SH đến nay trình bày: Nguồn gốc thửa đất hiện nay đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D2 và ông V; bà Loan đang ở chưa được cấp giấy chứng nhận từ trước năm 1988 là của ông Phạm Văn N1 và bà Vương Thị N2. Năm 1988 ông bà cho hai con gái là bà Nông và bà Công đến ở trên đất còn việc mua bán nhà với nhau thì không công khai nên ông không biết. Khi cho đất thì không có văn bản gì, thời kỳ đó Hợp tác xã lấy đất cất cho ông V và ông D2 ở không có thủ tục giấy tờ gì, Thời kỳ đó đất đai do Hợp tác xã quản lý và có quyền điều chỉnh đất đai cho từng hộ dân, đất không được mua bán chuyển

nhượng. Hợp tác xã thời kỳ đó không có văn bản gì về việc thu hồi đất của ông N1 bà N2 và việc giao đất cho ông V và ông D2 cũng không có thủ tục gì. Việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V và ông D2 thì ông H không biết, thời kỳ đó cấp đại trà chung toàn xã. Nay thửa đất đó có tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại công văn số 1436/UBND.TNMT ngày 06/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện QL cho biết về quy trình việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 đất nông nghiệp được thực hiện theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, đồng thời cấp đất ở và đất vườn khu dân cư. Tại thời điểm đó, hộ gia đình, cá nhân làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nộp về Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã xét đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1997 đảm bảo đúng quy định của pháp luật và cho đến nay không có ai khiếu nại gì.

+ Sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho NGuyễn Văn V xóm 13, xã SH số vào sổ 301 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số seri là K 700483 ngày 20/6/1997 diện tích 2.033 m².

+ Sổ mục kê trang số 20, tờ bản đồ 114-70, thửa đất số 729, vào sổ cho người sử dụng là NGuyễn Văn V với diện tích 430m², trong đó 200m² đất ở, 230m² đất vườn.

+ Sổ địa chính trang số 319 phản ánh NGuyễn Văn V đăng ký sử dụng đất tại xóm 13, xã SH sử dụng thửa đất số thửa đất số 729, vào sổ cho người sử dụng là NGuyễn Văn V với diện tích 430m², trong đó 200m² đất ở, 230m² đất vườn và 1.603m² đất sản xuất nông nghiệp thuộc các thửa 393, 486, 469 tờ bản đồ số 114-70; thửa 119, 120 tờ bản đồ 114-71; thửa 162-2 tờ bản đồ 113-71; thửa 32 tờ bản đồ 113-70.

- Ủy ban nhân dân xã SH xác nhận nguồn gốc thửa đất số 729, tờ bản đồ số 114-70, bản đồ 299, diện tích 200m² đất ở, 230m² đất vườn tại xóm 13, xã SH, huyện QL tỉnh Nghệ An đã cấp cho ông NGuyễn Văn V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 700483 ngày 20/6/1997 có nguồn gốc là đất của Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu cấp cho ông Phạm Văn N1 và bà Hồ Thị Năm từ năm 1970.

`Qua xác minh ngày 18/7/2016 ông Nguyễn Tiến Huynh – Cán bộ địa chính xã SH thì hiện nay Ủy ban nhân dân xã không còn lưu giữ hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh NGuyễn Văn V đối với thửa đất đang có tranh chấp.

Những người làm chứng trình bày :

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2016 ông Nguyễn Ngọc B trình bày: khoảng năm 1988, 1989 ông N1 và bà N2 đã bán cho vợ chồng ông nhà và đất, hai bên có làm giấy tờ mua bán do ông giữ, nhưng hiện nay đã mất nên không có đề cung cấp cho Tòa án. Sau khi anh Vinh lấy vợ ông đã cho vợ chồng Vinh một mảnh, cho cháu D một mảnh còn một mảnh cho chị Loan là con gái của ông. Khi

cho ông và các con cháu không lập thành giấy tờ, văn bản gì. Nay ông Ng yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Vinh thì ông không đồng ý vì ông Ng đã có đất ở Vinh.

Tại bản tự khai ngày 08/3/2016 bà Phạm Thị D; chị Phạm Thị Nh là con của Liệt sỹ Phạm Hữu Thung (cháu nội của ông N1 và bà N2) và tại phiên tòa trình bày: Năm 1970 ông Phạm Văn N1 và bà Hồ Thị Năm được Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu cấp cho một lô đất tại xóm 13, xã SH. Ông N1 chết năm 1993, bà N2 chết năm 1990 đều không để lại di chúc. Ông bà sinh được 06 người con gồm Phạm Thị Công chết năm 2013; Phạm Thị Nông chết năm 2013; Phạm Thị D, sinh năm 1949; Nguyễn Hữu Thung, liệt sỹ hy sinh năm 1968; Phạm Văn Dung, Liệt sỹ hy sinh năm 1966 và Phạm Văn Ng, sinh năm 1954; Sau khi ông bà chết thì các cháu NGuyễn Văn V, Hồ Văn D2 và Nguyễn Thị Loan đã làm nhà và ở trên thửa đất đó. Năm 2013 ông Ng về để xây dựng nhà thờ cho bố mẹ thì được biết cháu V và cháu D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Ng đã khiếu nại lên Ủy ban nhân dân xã SH, đến năm 2014 khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện QL. Như vậy cháu V và cháu D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trên thửa đất của bố mẹ tôi khi không có di chúc và sự đồng ý của những người ở hàng thừa kế thứ nhất. Đề nghị Tòa án giải quyết như yêu cầu của ông Ng.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2017/HCST ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 1; Điều 2 Nghị quyết 104/2015/QH13. Điều 30; điều 115; khoản 1 Điều 158; Điều 159; Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Căn cứ các Điều 21, khoản 1 Điều 30 Luật Đất đai năm 1993; mục I Công văn số 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục Địa chính về hướng dẫn xử lý một số vấn đề về đất đai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ng.

Tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 700483 do Ủy ban nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An cấp ngày 20/6/1997 cho ông NGuyễn Văn V quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 729, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 430m², địa chỉ thửa đất tại xóm 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 301. Các phần khác của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tranh chấp có giá trị sử dụng.

Buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/10/2017, ông NGuyễn Văn V làm đơn kháng cáo với nội dung: Ông Phạm Văn Ng không đủ tư cách để khởi kiện nhưng cấp sơ thẩm vẫn thụ lý giải quyết; cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ng và hủy giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất của ông là không có cơ sở. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và bác yêu cầu khởi kiện của ông Ng.

Tại phiên tòa ngày 14/5/2018, ông NGuyễn Văn V có mặt và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; ông NGuyễn Văn V và ông Phạm Văn Ng đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để các bên tự thương lượng với nhau. Quá trình thương lượng không có kết quả nên phiên tòa tiếp tục xét xử ngày 25/5/2018, ông NGuyễn Văn V là người có kháng cáo cùng đại diện ủy quyền cho người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì thay đổi nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, việc thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng; cấp sơ thẩm có vi phạm về thời hạn xét xử vụ án. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện đã tham gia tố tụng, chấp hành đầy đủ, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ các quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông NGuyễn Văn V. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sửa bản án sơ thẩm về phần xây dựng tư cách tham gia tố tụng và tuyên bố sung hủy một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông NGuyễn Văn V phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viện kiểm sát, các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án Hành chính nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về đối tượng khởi kiện: Đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho nên cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính.

1.2 Về thời hiệu khởi kiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 nhưng ngày 03/7/2013 ông Phạm Văn Ng mới biết thừa đất số 729 của bố mẹ ông là Phạm Văn N1 và Hồ Thị Năm được cấp cho ông NGuyễn Văn V. Ngày 22/01/2014, ông Ng có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện QL là đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính. Cho nên Tòa án nhân dân huyện QL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 31 Luật tố tụng Hành chính và khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 04/2015/QH13 của Quốc hội.

1.3 Về quyền khởi kiện vụ án Hành chính: Trong đơn kháng cáo, ông NGuyễn Văn V cho rằng ông Phạm Văn Ng không có quyền khởi kiện thấy rằng: Ông Phạm Văn N1 và bà Vương Thị N2 sinh được 06 người con, ông Phạm Văn Ng là một trong 6 người con của ông N1 và bà N2; ông N1, bà N2 có mảnh đất được Nhà nước cấp từ năm 1970. Bà Vương Thị N2 chết năm 1990, ông Phạm Văn N1 chết năm 1993 đều không để lại di chúc, ông bà để lại di sản là thửa đất và tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp 4 ba gian, 01 nhà bếp, 01 bể cạn, 01 giếng nước. Năm 2013, sau khi biết được thửa đất của bố mẹ để lại đã được Ủy ban nhân dân huyện QL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NGuyễn Văn V và ông Hồ Văn D2, ông Ng có đơn gửi đến chính quyền đề nghị giải quyết. Sau khi chính quyền hòa giải giữa ông Ng và ông V không thành, được sự ủy quyền của một số anh em trong gia đình, ông Phạm Văn Ng đã khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận sử dụng đất cấp cho ông NGuyễn Văn V. Ông Phạm Văn Ng là một trong 6 người con của ông N1 và bà N2 thuộc hàng thừa kế thứ nhất, là người có quyền lợi liên quan đến thửa đất nêu trên nên ông Ng có quyền khởi kiện đối với thửa đất của cha mẹ để lại là đúng quy định tại Điều 115 Luật tổ tụng Hành chính.

[2] Về tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khởi kiện:

1.2 Về thẩm quyền ban hành: Thực hiện Nghị định 64/Cp năm 1993 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện QL đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NGuyễn Văn V số K 700483 ngày 20/6/1997, sổ vào sổ theo dõi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 301 đối với thửa đất số 729, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 430m² tại xóm 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An và diện tích 1.603 m² đất sản xuất nông nghiệp là đúng thẩm quyền theo Điều 24 Luật Đất đai năm 1993.

2.2 Về trình tự, thủ tục ban hành: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp thì hiện nay Ủy ban nhân dân huyện QL không còn lưu trữ tài liệu nào khác có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NGuyễn Văn V mà chỉ có lưu tại sổ mục kê, sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ địa chính lập năm 1997 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua xác minh Ủy ban nhân dân xã SH cũng không còn lưu trữ hồ sơ cấp đất mà chỉ lưu trữ sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ địa chính lập năm 1997. Cán bộ địa chính xã SH cho biết việc lập hồ sơ cấp đất là theo chủ trương chung, các hộ gia đình kê khai đăng ký quyền sử dụng đất bao gồm cả đất ở và đất sản xuất. Ủy ban nhân dân xã chỉ vào sổ, lập tờ trình Ủy ban nhân dân huyện QL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không kiểm tra nguồn gốc đất, các giấy tờ khác về đất. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện QL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NGuyễn Văn V là chưa đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

2.3 Về cơ sở pháp lý: Nguồn gốc thửa đất ông Phạm Văn Ng khởi kiện có diện tích 697 m² tại xóm 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An là của ông Phạm Văn N1 và bà Nguyễn Thị Năm được Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu cấp đất năm 1970

và sử dụng đất cho đến năm 1988. Do tuổi cao, sức khỏe yếu nên ông N1, bà N2 được con trai là ông Phạm Văn Ng đưa vào thành phố Vinh chăm sóc, năm 1990 bà N2 chết và năm 1993 ông N1 chết. Thừa đất trên có gia đình hai con gái của ông N1 và bà N2 là Phạm Thị Công và Phạm Thị Nông đến ở năm 1988, sau đó cho con là ông NGuyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Loan (là con bà Nông và ông B) và ông Hồ Văn D2 (là con bà Công) ở. Năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện QL đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NGuyễn Văn V thừa đất số 729, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 430m²; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số I 782840 cho ông Hồ Văn D2 thừa số 730, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 267m²; bà Nguyễn Thị Loan ở trên diện tích 430m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NGuyễn Văn V. Tuy nhiên giữa ông Hồ Văn D2 và ông Phạm Văn Ng đã thỏa thuận được với nhau nên ông Ng chỉ khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông NGuyễn Văn V.

Xét thấy: Ủy ban nhân dân huyện QL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 700483 cho ông NGuyễn Văn V thừa đất nói trên đang trong thời hiệu thừa kế (10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế theo pháp lệnh thừa kế năm 1990) nhưng không được sự đồng ý của tất cả những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N1 và bà N2, không có văn bản thỏa thuận thừa kế hay giấy tờ chuyển nhượng, tặng cho; không có văn bản thu hồi đất của Hợp tác xã Nguyễn Đức Mậu để giao cho ông V hoặc các loại giấy tờ khác về mua bán tài sản trên đất là không đúng quy định tại các Điều 21, khoản 1 Điều 30 Luật Đất đai năm 1993; mục I Công văn số 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục địa chính về hướng dẫn xử lý một số vấn đề về đất đai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đảm bảo trình tự, thủ tục và căn cứ pháp pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ông NGuyễn Văn V không cung cấp được tài liệu chứng nào khác chứng minh cho yêu cầu của mình. Cho nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ng và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông NGuyễn Văn V là có căn cứ. Kháng cáo của ông NGuyễn Văn V không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với phần diện tích 1.603 m² đất sản xuất nông nghiệp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông V không có tranh chấp nên vẫn còn giá trị.

[3] Trong vụ án này, cấp sơ thẩm xây dựng tư cách tham gia tố tụng đưa bà Phạm Thị D, bà Phạm Thị Nh, ông Nguyễn Ngọc B, ông Hồ Văn D2 vào tham gia tố tụng là người làm chứng là chưa chính xác nên cần sửa lại và đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (về phần đất vườn và đất ở) cho ông NGuyễn Văn V là quyết định hành chính liên quan bị khởi kiện mặc dù không thu thập được từ các bên đương sự nhưng cũng cần được hủy bỏ;

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Luật tố tụng hành chính và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính.

Bác kháng cáo của ông NGuyễn Văn V và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; sửa án sơ thẩm về tư cách tham gia tố tụng và tuyên bổ sung phần quyết định bản án.

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 1; Điều 2 Nghị quyết 104/2015/QH13. Điều 30; Điều 115; khoản 1 Điều 158; Điều 159; Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ các điều 21, khoản 1 Điều 30 Luật Đất đai năm 1993; mục I Công văn số 1427/CV/ĐC ngày 13/10/1995 của Tổng cục Địa chính về hướng dẫn xử lý một số vấn đề về đất đai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Ng.

Tuyên huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 700483 cấp ngày 20/6/1997 và một phần quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An cấp cho ông NGuyễn Văn V đối với thửa đất số 729, tờ bản đồ số 114-70, diện tích 430m², địa chỉ thửa đất tại xóm 13, xã SH, huyện QL, tỉnh Nghệ An, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 301. Các phần khác của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tranh chấp có giá trị sử dụng.

Buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Ông NGuyễn Văn V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện QL theo biên lai số 0004768 ngày 11/10/2017).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND h. QL;

- Chi cục THADS Q.Lưu;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

Lang Thị Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Chính

Hồ Thị Thúy Hằng

Nguyễn Anh Sơn

